**BẢNG 2: MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II MÔN TOÁN – LỚP 7**

**KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

**Xem thêm tại Website VnTeach.Com https://www.vnteach.com**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**(1**)** | **Chương/Chủ đề**(2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**(3) | **Mức độ đánh giá**(4-11) | **Tổng % điểm**(12) |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | ***Biểu thức đại số. Đa thức một biến.*** | ***Biểu thức đại số*** | 2C1;C2 |  |  | 1TLC13a (0,5đ) |  |  |  |  | 10 |
| ***Đa thức một biến. Cộng , trừ, nhân, chia đa thức một biến*** | 3C3;C4;C5 |  |  | 1TLC13a (0,5đ) |  | 2TLC14a(0,5)C14b(0,5đ) |  |  | 22,5 |
| **2** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản*** | 3C6;C7;C8 |  |  | 2TLC15a(0,5đ)C15b(0,5đ) |  |  |  |  | 17,5 |
| **3** | **Quan hệ giữa các yếu tố trong một tam giác. Các hình khối trong thực tiễn** |  ***Tam giác. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác*** | 2C9;C10 |  |  |  |  |  |  |  | 35 |
| ***Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học*** |  |  |  |  |  | 2TLC16a (1,0đ)C16b(1,0đ) |  | 1TLC16c(1,0đ) |
| ***Hình hộp chữ nhật và hình lập phương*** | 2C11;C12 |  |  | 2TLC17a(0,5đ)C17b(0,5đ) |  |  |  |  | 15 |
| **Tổng số câu** | **12** |  |  | **6** |  | **4** |  | **1** |  |
| **Tỉ lệ %** | **30** | **30** | **30** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | **60** | **40** |  **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 7**

**KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận** **Biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | ***Biểu thức đại số. Đa thức một biến.*** | ***Biểu thức đại số*** | **Nhận biết:** – Nhận biết được biểu thức số. – Nhận biết được biểu thức đại số. | 2TNC1;2 |  |  |  |
| **Thông hiểu:** – Tính được giá trị của một biểu thức đại số. |  | 1TLC13a (0,5đ) |  |  |
| ***Đa thức một biến. Cộng , trừ, nhân, chia đa thức một biến*** | **Nhận biết:** Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến.– Nhận biết được cách biểu diễn đa thức một biến;– Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến. | 3TNC3;4;5 |  |  |  |
| **Thông hiểu:** – Xác định được bậc của đa thức một biến. |  | 1TLC13b(0,5đ) |  |  |
| **Vận dụng:**– Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán. |  |  | 2TLC14a(0,5)C14b(0,5đ) |  |
| **2** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản*** | **Nhận biết:** –Làm quen vớicác khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên và xác suấtcủa biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản. | 3TNC6;7;8 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...). |  | 2TLC15a(0,5đ)C15b(0,5đ) |  |  |
| **3** | **Quan hệ giữa các yếu tố trong một tam giác. Các hình khối trong thực tiễn** |  ***Tam giác. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác*** | **Nhận biết:**– Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác.– Nhận biết được: các đường đặc biệt trong tam giác (đường trung tuyến, đường cao, đường phân giác, đường trung trực); sự đồng quy của các đường đặc biệt đó. | 2TNC9;10 |  |  |  |
|  |  |  |  |
| ***Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học*** | ***Vận dụng :*** – Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...). |  |  | 2TLC16a (1,0đ)C16b(1,0đ) |  |
| ***Vận dụng cao:*** – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học. |  |  |  | 1TLC16c(1,0đ) |
|  | ***Hình hộp chữ nhật và hình lập phương*** | ***Nhận biết***Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương. | 2TNC11,12 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...). |  | 2TLC17a(0,5đ)C17b(0,5đ) |  |  |
| **Tổng số câu** |  | 12 | 6 | 4 | 1 |
| **Tỉ lệ %** |  | 30 | 30 | 30 | 10 |
| **Tỉ lệ chung** |  | 60% | 40% |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II – TOÁN 7**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)**

**(***Khoanh tròn chữ cái trước đáp án mà em cho là đúng nhất)*

**Câu 1.** Trong các biểu thức sau, biểu thức nào là biểu thức số:

A. 23 + 8.5 B. 3a + 7 C. 3x – y2 D. 2y - 3

**Câu 2.**  Trong các biểu thức sau, biểu thức nào là biểu thức đại số:

A. (34 – 5) : 8 B. (x + y)2 C. x2 + 2x + 1 D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3.** Đa thức : 2x3 – 5x2 +7 có mấy hạng tử:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 4.** Trong các đa thức sau đa thức nào được sắp xếp theo lũy thừa tăng dần của biến:

A. 3x–4x4+x3  B. 2x4–3x2 +x+1 C. 1+x-3x2+2x4 D. 2x3-3x2-x3+4

**Câu 5.** Trong các số sau, số nào là nghiệm của đa thức x2 + x – 2 :

A. 0 B. 1 C. -1 D. 2

**Câu 6.** Một túi đựng 5 bi trắng và 5 bi đỏ. Lấy ngẫu nhiên 1 viên trong túi. Trong các biến cố sau, biến cố nào là *biến cố chắc chắn*:

A. Lấy được viên bi màu trắng B. Lấy được viên bi màu đen

C. Lấy được viên bi màu đỏ. D. Lấy được viên bi màu trắng hoặc màu đỏ

**Câu 7.** Gieo một con xúc xắc. trong các biến cố sau biến cố nào là *biến cố không thể*:

A. Số chấm xuất hiện là 7 B. Số chấm xuất hiện là 6

C. Số chấm xuất hiện là 5 D. Số chấm xuất hiện là 4

**Câu 8.** Gieo một đồng xu. Xác xuất để đồng xu xuất hiện mặt sấp là:

A. 0 B. 0,2 C. 0,5 D. 1

**Câu 9.** Trong các bộ ba độ dài sau, bộ ba độ dài nào là độ dài ba cạnh của một tam giác?

A. 2cm; 4cm; 7cm B. 5cm; 15cm; 25cm

C. 3cm; 6cm; 10cm D. 4cm; 5cm; 6cm

**Câu 10. Trọng tâm** của tam giác là điểm đồng quy của ba đường gì trong tam giác ?

A. Ba đường trung tuyến B. Ba đường trung trực

C. Ba đường phân giác D. Ba đường cao

**Câu 11.** Hình hộp chữ nhật có bao nhiêu đỉnh:

A. 4 đỉnh B. 6 đỉnh C. 8 đỉnh D. 12 đỉnh

**Câu 12.** Hình lập phương có 6 mặt là các hình gì ?

A. Hình chữ nhật B. Hình vuông C. Hình thang D. Hình tam giác

**II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

**Câu 13. (1,0 điểm):** Cho đa thức P(x) = - x3 – 2x2 + x3 + 4x + 5

a. Tính P(1)

b. Xác định bậc của đa thức P(x).

**Câu 14. (1,0 điểm):** Cho 2 đa thức : A(x) = x + 3 và B(x) = 2x2 – 3x – 5 tính :

a. A(x) + B(x)

b. A(x).B(x)

**Câu 15.(1,0 điểm):** Một hộp có 10 bi đỏ và 10 bi xanh. Lấy ngẫu nhiên 1 viên bi từ trong hộp. Xét hai biến cố sau : A : Lấy được bi đỏ  và B : Lấy được bi xanh.

a. Hai biến cố A và B có đồng khả năng không ? Vì sao ?

b. Tìm xác suất của biến cố A và biến cố B.

**Câu 16. (3,0 điểm)** Cho tam giác ABC vuông tại A. Biết AB = 6 cm, AC = 8 cm. Trên tia đối của tia AC lấy điểm D sao cho AD = AC.

a. Vẽ hình theo yêu cầu đề bài và kí hiệu các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau.

b. Chứng minh BC = BD

c. Gọi E là trung điểm của BD, CE cắt AB tại K. Tính độ dài của AK.

**Câu 17. (1,0 điểm):** Một khối Rubik có dạng hình lập phương có cạnh 6cm, tính:

a. Diện tích xung quanh của khối Rubik ?

b. Thể tích khối Rubik ?

**-Hết-**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I.TRẮC NGHIỆM:** *(3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đ/án** | **A** | **D** | **C** | **B** | **B** | **D** | **A** | **C** | **D** | **A** | **C** | **B** |

**II. TỰ LUẬN:** *(7,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **13a** | P(x) = -2x2+4x+5P(1)= -2.12+4.1+5=7  | *0,5đ* |
| **b** | Đa thức P(x) có bậc là 2 | *0,5đ* |
| **14a** | Tính được A(x)+B(x)= 2x2-2x-2 | *0,5đ* |
| **b** | Tính được A(x).B(x)= 2x3+3x2-14x-15 | *0,5đ* |
| **15a** | Hai biến cố A và B là hai biến cố đồng khả năngVì số lượng bi đỏ và bi xanh bằng nhau nên biến cố A và B khả năng xảy ra như nhau | *0,25đ**0,25đ* |
| **b** | Vì chỉ xảy ra biến cố A hoặc biến cố B nên xác suất của biến cố A và biến cố B bằng nhau và bằng $\frac{1}{2}$ (hay 50%) | *0,5đ* |
| **16a** |  | Vẽ hình theo yêu cầu đề bài *0,5 đ.*kí hiệu đúng *0,5 đ* |
| **b** | $$∆ABC và ∆ABD có\left\{\begin{array}{c}\hat{BAC}=\hat{BAD}\\AC=AD\\AB cạnh chung\end{array}\right.$$$$∆ABC=∆ABD \left(cgc\right)$$$$suy ra BC= BD$$ | *0,5 đ**0,5 đ* |
| **c** |  K là trọng tâm của tam giác BCD nên $BK= \frac{2}{3}BA ⟺BK=4cm ⟹AK=2cm$ | *0,5 đ**0,5 đ* |
| **17a**  | Diện tích xung quanh của khối Rubik là:Sxq = 4.62 = 144 cm2 | *0,5đ* |
| **b** | Thể tích của khối Rubik là:V = 63 = 216 cm3 | *0,5đ* |

**---Hết---**

|  |
| --- |
| SẢN PHẨM CỦA CỘNG ĐÔNG GV TOÁN VNLIỆN HỆ: 0386536670GROUP FB: <https://www.facebook.com/groups/316695390526053/> |
|

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

 |
| CHỈ CHIA SẺ VÀ HỖ TRỢ THẦY CÔ TRÊN FB NHƯ TRÊN , ZALO DUY NHẤT.Mọi hành vi kêu gọi mua bản quyền, mua chung, góp quỹ vào các group zalo đều là lừa đảo và chia sẻ trái phép sản phẩm của nhóm. |
| Có thể là hình ảnh về văn bản cho biết 'CỘNG ĐỒNG GIÁO VIÊN TOÁN THES VIỆTN TNA' |